

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2017/ KDTM-ST
Ngày: 04/7/2017
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quyết Thắng
2. Bà Vũ Thị Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại nhà văn hóa thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Y, xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2016/TLST-KDTM ngày 29 tháng 1 năm 2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXX-ST ngày 08/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại C

Địa chỉ: quận K, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Bắc H – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai H – Giám đốc Ngân hàng thương mại C - chi nhánh Y.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đặng Quang L – Trưởng phòng quản trị tín dụng Ngân hàng thương mại C - chi nhánh Y. (có mặt)

Địa chỉ: Ngã tư N, xã H, huyện M, tỉnh Y

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi sinh sống hiện tại: Thôn Tr, xã L, huyện V, tỉnh Y.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1951 (vắng mặt)

3.2. Bà Hoàng Thị D, sinh năm: 1954 (vắng mặt)

3.3. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

3.4. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

3.5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Ông B, bà D, anh M, anh H, chị H đều đăng ký hộ khẩu thường trú, cùng có nơi sinh sống hiện tại: Thôn Tr, xã L, huyện V, tỉnh Y.

3.6. Chị Nguyễn Thị Hương, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi sinh sống hiện tại: Thôn L, thị trấn V, huyện V, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2015 và trong quá trình xét xử, ông Đặng Quang L người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại C - chi nhánh Y trình bày:

Ngày 15 tháng 02 năm 2012, anh Nguyễn Thanh B có ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ để vay vốn tại ngân hàng thương mại C - Chi nhánh Y – Phòng giao dịch L, số tiền 600.000.000đ, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh đồ gỗ nội thất, thời hạn vay 06 tháng, đến ngày 15/8/2012 anh B đã thanh toán toàn bộ gốc và lãi cho ngân hàng. Ngày 16/8/2012 anh B tiếp tục ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại C để vay số tiền 600.000.000đ, đến ngày 19/2/2013 anh B đã trả được toàn bộ gốc và lãi cho ngân hàng. Tiếp đến ngày 26/2/2013 anh B ký tiếp với ngân hàng thương mại C hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ vay 600.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực. Lãi suất áp dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng là 12%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của ngân hàng thương mại C tại thời điểm điều chỉnh và đến ngày 17/3/2014 ngân hàng thương mại C đã điều chỉnh giảm lãi suất cho anh B xuống còn 11,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Để vay được khoản tiền trên, ngày 14/02/2012 hộ gia đình ông Nguyễn Văn B ký hợp đồng thế chấp thửa đất số 194, tờ bản đồ số 5 tại thôn Tr, xã L, huyện V với ngân hàng thương mại C để bảo lãnh cho anh B.

Khi đến hạn trả nợ anh B không trả được một khoản gốc và lãi nào cho ngân hàng thương mại C. Nay ngân hàng thương mại C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V quyết buộc anh B phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền gốc 600.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 04/7/2017 là 455.587.501đ, trong đó lãi trong hạn là 315.719.667đ, lãi quá hạn là 139.795.834đ và tiền lãi phát sinh sau ngày 04/7/2017 cho đến khi anh B trả hết nợ cho ngân hàng. Nếu anh B không trả hoặc trả không đầy đủ, thì ngân hàng yêu cầu hộ gia đình nhà ông B phải có trách nhiệm trả thay cho anh B, nếu hộ gia đình ông B không trả thì ngân hàng được yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện V phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng hai bên đã ký kết để thu hồi nợ.

Bị đơn là anh Nguyễn Thanh B trình bày: Anh xác nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại C, số tiền vay, thời hạn và lãi suất vay, hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba như ngân hàng thương mại C trình bày ở trên là đúng. Đối với hợp đồng ký ngày 26/02/2013 vay 600.000.000đ anh chưa thanh toán cho ngân hàng khoản tiền gốc và lãi nào. Quan điểm của anh đề nghị ngân hàng thương mại C cho anh được trả nợ dần, khi nào có tiền thì anh trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn B bà Hoàng Thị D trình bày: Ông bà là bố, mẹ đẻ của anh Nguyễn Thanh B. Gia đình ông có thế chấp tài sản là thửa đất số 194, tờ bản đồ số 5, diện tích 364m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0001703 QSDĐ/341/UBNDH do UBND huyện C, tỉnh Y cấp ngày 14/8/1999 để bảo lãnh cho anh B vay số tiền 600.000.000đ của ngân hàng thương mại C. Quan điểm của ông, bà đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho anh B và gia đình ông trả nợ dần.

Chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị là vợ anh Nguyễn Thanh B, chị cùng bố mẹ chồng có ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản là thửa đất số 194, tờ bản đồ số 5, để chồng chị vay 600.000.000đ của ngân hàng thương mại C làm ăn buôn bán, do thua lỗ anh B chưa trả được gốc và lãi cho ngân hàng, quan điểm của chị là đề nghị ngân hàng cho vợ chồng chị được trả nợ dần.

Anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị H cùng trình bày: Bố mẹ anh chị có thế chấp tài sản nhà đất cho ngân hàng thương mại C để bảo lãnh cho anh B vay tiền, vì các anh chị có hộ khẩu cùng với bố mẹ, nên mọi người cùng ký vào hợp đồng thế chấp để bảo lãnh cho anh B. Quan điểm của mọi người đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho anh B trả nợ dần.

Tại phiên tòa, ông Đặng Quang L trình bày: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0001703 QSDĐ/341/UBNDH do UBND huyện C, tỉnh Y cấp ngày 14/8/1999 của hộ gia đình ông B thì thửa đất số 194, tờ bản đồ số 5 của hộ gia đình ông

B có diện tích 364m², nhưng khi Tòa án xác minh thẩm định tại chỗ diện tích thửa đất là 422m², do vậy ngân hàng đề nghị được yêu cầu phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo diện tích đất thực tế là 422m².

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán lập hồ sơ vụ án đúng trình tự thủ tục. Việc lấy lời khai của đương sự và xác minh, thu thập chứng cứ đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thời hạn chuẩn bị xét xử, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu và việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự Bộ Luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại C, buộc anh Nguyễn Thanh B phải trả ngân hàng tính đến ngày 04/7/2017 là 1.055.587.500đ, trong đó tiền gốc 600.000.000đ, tiền lãi 455.587.500đ. Kể từ khi bản án có hiệu lực nếu anh Nguyễn Thanh B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ngân hàng thương mại C có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện V phát mại toàn bộ tài sản đảm bảo của bên bảo lãnh là hộ ông B và bà D gồm thửa đất 194, tờ bản đồ 05 diện tích thực tế 422m².

Về án phí: Đề nghị buộc anh B phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Y nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Nguyễn Thanh B cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị D, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (Hội đồng xét xử viết tắt HDXX) tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] *Về nội dung*:

Ngày 26 tháng 02 năm 2013 giữa anh Nguyễn Thanh B và ngân hàng thương mại C đã ký hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ, theo đó ngân hàng thương mại C cho anh B vay 600.000.000đ với thời hạn vay 06 tháng, anh B đã nhận chưa thanh toán một khoản gốc và lãi nào trả cho ngân hàng đối với số nợ trên. Khi đến hạn thanh toán ngân hàng thương mại C có gửi nhiều thông báo thu hồi nợ gốc và lãi, anh B và hộ gia đình

ông B cũng đã nhận được thông báo của ngân hàng, nhưng không trả, do vậy, nay ngân hàng thương mại C yêu cầu anh B phải trả 600.000.000đ nợ gốc là có căn cứ được chấp nhận.

Về lãi suất:

Thời điểm hai bên ký hợp đồng tín dụng là ngày 26/02/2013. Căn cứ Thông tư số 12 ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại điều 1 quy định: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt nam theo lãi suất thoả thuận đối với khách hàng....*”. Hai bên tự thỏa thuận về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn, việc thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy mức lãi suất mà ngân hàng BIDV thỏa thuận với anh Bình được chấp nhận.

Lãi xuất trong hạn 12%/ năm tương ứng 1%/ tháng, 0,3333%/ ngày.

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tương ứng 18%/ năm, 1,5%/ tháng, 0,05%/ ngày.

Theo hợp đồng tín dụng thì ngày 25/8/2013 là trả nợ, sau ngày trả nợ là thời gian quá hạn, do vậy ngân hàng thương mại C yêu cầu anh Bình trả lãi suất quá hạn của số tiền gốc còn nợ tính từ ngày 26/8/2014 là có căn cứ được chấp nhận, lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 26/02/2013 đến ngày 25/08/2013 là 181 ngày

$600.000.000đ \times 0,0495\% / \text{ngày} \times 181 \text{ ngày} = 36.200.000đ \text{ (1)}$

Từ ngày 26/8/2013 đến ngày 16/3/2014 là 203 ngày

$600.000.000đ \times 0,05\% / \text{ngày} \times 203 \text{ ngày} = 60.900.000đ \text{ (2)}$

Từ ngày 17/3/2014 ngân hàng điều chỉnh lãi suất trong hạn xuống còn 11,9%/ năm, lãi suất quá hạn là 17.85%/ năm, 1.4875%/ tháng

Từ ngày 17 /3/2014 đến 04/7/2017 là 1.205 ngày

$600.000.000đ \times 1.205\text{ngày} \times (1.4875\% : 30) = 358.487.500đ \text{ (3)}$

Tổng cộng tiền lãi trong hạn và quá hạn là: (1) + (2) + (3)

$36.200.000đ + 60.900.000đ + 358.487.500đ = 455.587.500đ$

Tổng cộng tiền gốc và lãi, tính đến ngày xét xử anh Nguyễn Thanh B phải trả cho ngân hàng thương mại C là: $600.000.000đ + 455.587.500đ = 1.055.587.500đ$.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/ HĐ thì hộ gia đình ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị D thế chấp cho ngân hàng thửa đất 194, tờ bản đồ số 05 diện tích 364m² cùng toàn bộ tài sản công trình gắn liền với đất. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại văn phòng công chứng V và đăng ký thế chấp tại phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, nên hợp đồng có hiệu lực.

Kết quả thẩm định tại chỗ đối với thửa đất 194 thì diện tích thực tế 422m², chênh lệch tăng 58m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên nhân tăng do cạnh phía đông Bắc giáp nhà bà H kích thước 19,9m, nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cạnh phía đông Bắc này chỉ ghi 14,8m. Hộ ông B sử dụng thửa đất ổn định không có tranh chấp với các hộ liền kề, quan điểm của chính quyền địa phương xác định 422m² là diện tích thực của thửa đất 194, do vậy, có căn cứ xác định thửa đất hộ ông B thừa kế cho ngân hàng có diện tích 422m². Nên chấp nhận yêu cầu của ngân hàng thương mại C.

[3] *Về án phí*: Anh Nguyễn Thanh B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng thương mại C đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 134; 135; 137; 138; 274; 275; 278; 280; 288; 292; 293; 298; 299; 317; 318; 319; 320, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự; Điều 166 và 167 Luật đất đai.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại C; buộc anh Nguyễn Thanh B phải trả Ngân hàng thương mại C 600.000.000đ tiền gốc và 455.587.500đ tính đến ngày 04/7/2017, tổng số tiền là 1.055.587.500đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Nguyễn Thanh B phải tiếp tục trả tiền lãi đối với nợ gốc cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh, mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 26/2/2013 giữa Ngân hàng thương mại C với anh Nguyễn Thanh B.

Trường hợp anh Nguyễn Thanh B không trả hoặc trả không đầy đủ thì ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị D, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng thay cho anh B. Nếu ông B, bà D, chị H, anh M, anh H và chị H không trả nợ ngân hàng thay cho anh B, thì ngân hàng thương mại C được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Y phát mại toàn bộ tài sản là diện tích đất thực tế 422m² tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 5, vị trí đất tại thôn Tr, xã L, huyện V, tỉnh Y cùng toàn bộ tài sản, công trình gắn liền với đất.

Trong trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thương mại C thì anh Nguyễn Thanh B phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm 3 mục I Danh mục mức án phí ban hành kèm theo pháp lệnh; anh Nguyễn Thanh B phải chịu 43.667.600đ (bốn mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) án phí

kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại C 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015952 ngày 18/1/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Y.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Y
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Y;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Y;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**
(Đã ký)

Ngô Xuân Quỳnh